

PHỤ LỤC I
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN'
Năm 2024

{Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON HƯƠNG SEN

1. THÔNG TIN CHUNG

1. Đặc điểm, tình hình

Trường Mầm non Hương Sen được thành lập và đưa vào hoạt động từ 15 tháng 9 năm 2006 bởi Quyết định 1304/QĐ-UBND ngày 15/09/2006 của Ủy ban nhân quận Thủ Đức về việc thành lập trường Mầm non Hương Sen. Quyết định 343/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức ngày 02 tháng 03 năm 2021 về thay đổi cơ quan chủ quản các đơn vị sự nghiệp Công lập trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Trường tập trung tại 02 điểm, toạ lạc tại:

+ Cơ sở 1: Số 10 đường 18 P. Linh Đông, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cơ sở 2; Số 2 đường 8 P. Linh Đông, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 028.38979974. mail: mamnonhuongsenthuduc@gmail.com

Địa chỉ trang thông tin điện tử: [https://](https://mamnonhuongsenthuduc.hcm.edu.vn) [https://](https://mamnonhuongsenthuduc.hcm.edu.vn)

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Hoàng Anh - Quyết định bổ nhiệm số 235/QĐ-UBND ngày 5 tháng 02 năm 2024 của ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức. số điện thoại: 0908.290929 Địa chỉ mail: yeubingo2012@gmail.com

- Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh
01	Bà Nguyễn Thị Hoàng Anh	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch
02	Bà Lê Thị Kim Hiếu	Nhân viên - Đại diện Tổ văn phòng	Thư ký
03	Bà Lê Đình Thắng	Phó Chủ Tịch Phường Linh Đông - Đại diện Chính quyền phường Linh Đông	Thành viên
04	Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Phó hiệu trưởng	Thành viên
03	Bà Nguyễn Thùy Vân	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
04	Bà Trịnh Thị Bích Phượng	Bí thư Chi đoàn	Thành viên
07	Bà Nguyễn Thị Minh Thủy	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
08	Bà Nguyễn Thị Huỳnh Nga	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
09	Bà Đinh Thị Thúy Vy	Trưởng Ban đại diện cha mẹ trẻ em	Thành viên

2. Chức năng, nhiệm vụ

Trường Mầm non Hương Sen là cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường thực hiện nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ từ 06 tháng tuổi đến 6 tuổi.

11. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Tình hình đội ngũ:

+ Số cán bộ quản lý: 02.

+ Số giáo viên: 38.

Giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn (theo Luật Giáo dục 2019): 3.

Giáo viên có trình độ trên chuẩn: 35.

+ Số giáo viên hợp đồng làm việc (biên chế): 42.

+ Số nhân viên: 11

Kế toán (biên chế): 01.

Y tế (biên chế): 01.

Văn thư, thủ quỹ (Hợp đồng 111): Kiêm nhiệm

Cấp dưỡng (Hợp đồng 111): 07

Nhân viên nuôi dưỡng (Hợp đồng 111): 00.

Phục vụ trường (Hợp đồng 111): 01.

Bảo vệ (Hợp đồng 111): 02.

- Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Giáo viên yêu nghề, mến trẻ, luôn tìm tòi học hỏi và vận dụng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của trẻ. Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, chiến sĩ thi đua cơ sở ngày một được nâng lên về số lượng, chất lượng, công tác chăm sóc giáo dục ngày càng được nâng cao. Năm học 2023-2024, trường có 38/38 giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục năm 2019 đạt tỷ lệ 100%, 03/38 giáo viên đạt trình độ chuẩn tỷ lệ 3%, trên chuẩn 35/38 tỷ lệ 97%, được phân công trực tiếp làm công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp		Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	34		02	35	03	0	06	24	14	10	25		
I	Giáo viên	38			35	03			24	14	8	30		
1	Nhà trẻ	09			09	00			05	02	03			
2	Mẫu giáo	28			25	03			11	05	16			

II	Cán bộ quản lý	03		03						03	03			
1	Hiệu trưởng	01			01				0	01	01			
2	Phó hiệu trưởng	01			01				0	01	01			
III	Nhân viên	11			02		02	09						
1	Nhân viên văn thư	Kiểm nhiệm			01									
2	Nhân viên kế toán	01			01									
3	Thủ quỹ	Kiểm nhiệm												
4	Nhân viên y tế	01					01							
5	Nhân viên khác	09						09						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT :

STT	Nội dung	số hịng	Bình quân
I	Tổng số phòng	17	Số m ² /tré em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	17	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Sô điêm trường	01	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	2.371	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	281	
VI	Tông diện tích một số loại phòng	102.06	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	644	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	644	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	185.5	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	542.5	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	68	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	68	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	94.64	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Đảm bảo theo Văn bản 3141	Số bộ/nhóm (lớp)

VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời		15/3		Số bộ/sân chơi (trường)	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)				Vi tính: 27 Máy in: 09	
X	Tồng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)				Số thiết bị/nhóm (lớp)	
1						
1	Ti vi		14			
2	Nhạc cụ		05			
3	Máy Scan		02			
4	May Photo		01			
		Số lượng (m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung Nam/Nữ		Chung Nam/Nữ	
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	21.56	13.25		0.9	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây		

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Tên tổ chức kiểm định: Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, chưa kiểm định(đăng ký kiểm định năm học 2024-2025)

Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư 25/2014/TT-BGDDT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, qui trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non.

Mức độ đạt kiểm định: cấp độ 2.

Thời gian hiệu lực: từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 nhà trường thực hiện tự đánh giá theo Thông tư 19/2018/TT-BGDDT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Mầm non.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Số trẻ tuyển sinh năm học 2024-2025: 105. (Nhà trẻ: 56; Mầm: 18; Chồi: 22; Lá: 09)

Tổng số nhóm/lớp năm học 2023-2024: 17; riêng lớp mẫu giáo 5 tuổi: 4.

Tổng số trẻ: 466 (Nữ: 205)

Số trẻ được ăn bán trú: 466

+ Nhà trẻ: 92, tỷ lệ: 100%; mẫu giáo: 374, tỷ lệ: 100%.

+ Trẻ mẫu giáo hoàn thành chương trình 5 tuổi: 140, tỷ lệ: 100%.

Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ: 466.

Trẻ khuyết tật: 0.

I. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Nội dung	Số tiền
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
1	Doanh thu	6.805.166.854
	- Từ NSNN cấp	6.805.166.854
	- Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	-
	- Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
2	Chi phí	6.502.166.854
	- Chi phí hoạt động	6.502.166.854
	- Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	-
	- Chi phí hoạt động thu phí	-
3	Thặng dư/thâm hụt	303.000.000
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
1	Doanh thu	2.973.911.000
2	Chi phí	
3	Thặng dư/thâm hụt	2.973.911.000
III	Hoạt động tài chính	
1	Doanh thu	3.340.218
2	Chi phí	1.939.522
3	Thặng dư/thâm hụt	1.400.696
IV	Hoạt động khác	
1	Thu nhập khác	
2	Chi phí khác	
3	Thặng dư/thâm hụt	
V	Chi phí thuế TNDN	
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm	3.278.311.696

1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính			587.296.754				
2	Phân phối cho các quỹ			303.000.000				
' 3	Kinh phí cải cách tiền lương							
HỌC SINH	Số học	sinh đi học thực tê		Mức hỗ trợ 1 tháng	Số tháng			Tổng tiền hỗ trợ
	Tổng số học sinh	Nhà trẻ	Mẫu giáo		Cả năm học	Học kýl (<=4)	Học kỳ' II (<=5)	
TỔNG CỘNG	466	92	374					450.040
NHÀ TRE	92	92		100				27.800
	22	22		100	9	4	5	19.800
	2	2		100	8	3	5	1.600
	1	1		100	7	2	5	700
	1	1		100	6	1	5	600
	3	3		100	5	0	5	1.500
	4	4		100	4	0	4	1.600
	2	2		100	3	0	3	600
	4	4		100	2	0	2	800
	6	6		100	1	0	1	600
MẪU GIÁO	374		374	140				422.240
	374		374	140	9	4	5	381.780
	9		9	140	8	3	5	10.080
	15		15	140	7	2	5	14.700
	3		3	140	6	1	5	2.520
	6		6	140	5	0	5	4.200
	6		6	140	4	0	4	3.360
	8		8	140	3	0	3	3.360
	5		5	140	2	0	2	1.400
	6		6	140	1	0	1	840

Kết quả thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị Quyết số 02/2022/NQ.-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ THÁNG THỰC HỌC	KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC PHÍ THEO NGHỊ QUYẾT 02/2022/NQ.-HĐND		GHI CHÚ
			MỨC TÍNH	SỐ TIỀN	
	Không có				
	Tổng cộng			640.000.	

2. Các khoản thu và mức thu đối với học sinh:

Nội dung thu	Nhà trẻ	Mẫu giáo
1/Học phí/tháng	200.000đ	160.000đ
2/ Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng học sinh bán trú/năm	300.000đ	300.000đ
3/ Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú/tháng	345.000đ	345.000đ
4/ Tiền phục vụ ăn sáng/tháng	135.000đ	135.000đ
5/ Tiền công trả lương cho nhân viên nuôi dưỡng theo NQ04/tháng (Nếu có tổ chức)		
6/ Tiền học phẩm/năm		
7/ Tiền học cụ - học liệu/năm	500.000đ	400.000đ
8/ Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu/năm/lần(nếu thu)		
9/ Tiền nước uống/tháng	15.000đ	15.000đ
10/ Tiền sử dụng máy lạnh/tháng		
11/Tiền suất ăn sáng/ngày	15.000đ	15.000đ
12/ Tiền suất ăn trưa bán trú/ngày	35.000đ	35.000đ
43/ Tiền bảo hiểm tai nạn/năm	50.000đ	50.000đ
14/ Tiền học Anh văn/tháng		80.000đ
15/Tiền học Vẽ (Hội họa)/tháng		80.000đ
16/ Tiền học Nhịp điệu (Aerobic)/tháng		80.000đ
17/ Tiền học GD steam/tháng		80.000đ
18/ Tiền học Kỹ năng sống/tháng		80.000đ

3. Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với học sinh
Kết quả thực hiện hỗ trợ học phí theo Nghị Quyết số 36/2023/HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023:

4. Số dư các quỹ:

Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	202.013.600
Quỹ bổ sung thu nhập	200.000.000
Quỹ khen thưởng	79.952.500
Quỹ phúc lợi	292.038.654

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆMVỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

Triển khai thực hiện chuyên đề ^{t4}Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” tại đơn vị, khuyến khích giáo viên tích cực tham gia hội thi cấp thành phố theo kế hoạch

của Phòng Giáo dục và Đào tạo có 02 giáo viên tham gia.

Bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ trong nhà trường; chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng cho việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.

Tham gia hoạt động cụm chuyên môn hỗ trợ các đơn vị mầm non ngoài công lập theo sự phân công của Phòng Giáo dục và Đào tạo. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo.

Thực hiện tốt các chỉ tiêu cần đạt trong năm học 2023-2024. Thực hiện tốt các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

Đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục 2019.

Cập nhật đầy đủ mã định danh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh 100%./.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hoàng Anh